

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Liễu Thị Kim Duyên
- Bà Nông Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, về việc “tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2204, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hoàng Thị T, sinh năm 1999. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

sinh năm 1999; ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn

- Bị đơn: Anh Công Vĩnh T1, sinh năm 1998. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chi Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Công Vĩnh T1 được tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 14/01/2020. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó anh Công Vĩnh T1 đi làm công nhân tại Bắc Ninh. Đến tháng 6/2020 thì bị bắt về “tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án đến năm 2022 thì chấp hành án xong và về địa phương nhưng không tu chí làm ăn tiếp tục tụ tập bạn bè và tái nghiện. Gia đình và bản thân chị Hoàng Thị T đã khuyên nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 9/2024, khi mới sinh con thứ hai được 01 tháng thì anh Công Vĩnh T1 đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã về bên gia đình bố mẹ ruột tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Công Vĩnh T1.

Về con chung: Có 02 người con chung là Công Hoàng V, sinh ngày 06/3/2020 và Công Thanh T2, sinh ngày 07/8/2024. Hiện nay 02 chung đang do chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chăm có nuôi dưỡng các cháu phát triển bình thường, chi phí sinh hoạt do chị chu cấp. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C Vĩnh Tuân cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung do anh C Vĩnh Tuân không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy. Về tài sản chung vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung vợ chồng không có. Và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trong toàn bộ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có văn bản thể hiện quan điểm của bị đơn.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T với anh Công Vĩnh T1; Về con chung: Giao 02 người con chung là Công Hoàng V, sinh ngày 06/3/2020 và Công Thanh T2, sinh ngày 07/8/2024 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi

đủ 18 tuổi (trưởng thành). Anh Công Vĩnh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Do bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm này nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Công Vĩnh T1 có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Công an xã H, biên bản xác minh ông Công Văn T3 – Trưởng thôn Bản Thảm đồng thời là chú họ của Công Vĩnh T1 thể hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian Tòa án thụ lý vụ án vẫn có mặt tại địa phương. Đến thời điểm xét xử anh Công Vĩnh T1 vắng mặt tại địa phương. Các văn bản tố tụng đã được ông Công Văn T3 nhận thay và thông báo cho bị đơn. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ cho bị đơn theo quy định. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 do vắng mặt bị đơn, đã tổng đạt đầy đủ văn bản. Nguyên đơn có văn bản trình bày quan điểm và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại khoản 1, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Công Vĩnh T1 được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn số 01 số đăng ký 14/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, nên là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật. Thời điểm sống ly thân, phù hợp với biên bản xác minh và có xác nhận của trưởng thôn Tổng Riêng, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, xác định các đương sự có thời gian sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay hai bên không ai quan tâm lẫn nhau. Qua trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được thông báo nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Công Vĩnh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy,

theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Công Vĩnh T1.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, quá trình chung sống vợ chồng có Công Hoàng V, sinh ngày 06/3/2020 và Công Thanh T2, sinh ngày 07/8/2024. Hiện nay 02 chung đang do chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian sống ly thân 02 người con chung do chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục. Anh Công Vĩnh T1 không đóng góp tiền nuôi con, không về thăm con. Bản thân anh Công Vĩnh T1 là người có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang bị công an xã H điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Chị Hoàng Thị T có thu nhập không ổn định, sống cùng nhà bố mẹ ruột, quá trình chăm sóc các con chung phát triển bình thường. Có văn bản của ông Hoàng Văn V1 là bố đẻ của chị Hoàng Thị T xác nhận sẽ phụ giúp chăm sóc 02 người con cho chị Hoàng Thị T và hiện nay nhà gần trường mẫu giáo, có tài sản, các con chung phát triển bình thường. Do đó, xét điều kiện hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với chị Hoàng Thị T có hoàn cảnh sống phù hợp với sự phát triển của con chung và đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 người con chung cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm, nguyên đơn là người được giao quyền nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị T xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm đối với các nội dung này. Để đảm bảo quyền lợi của đương sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ. Tuy nhiên, chị Hoàng Thị T4 là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị T.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Công Vĩnh T1.

2. Về con chung:

Giao con chung Công Hoàng V, sinh ngày 06/3/2020 và Công Thanh T2, sinh ngày 07/8/2024 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành). Anh Công Vĩnh T1 không cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND xã Hoa Thám, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Nam Toàn

